

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Hỏa Văn H**, sinh năm 1987

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Thôn Nà L, xã Thượng L1, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 28, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hỏa Văn H và chị Nguyễn Thị B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Hỏa Thị Minh H, sinh ngày 24/10/2011 và cháu Hỏa Phương A, sinh ngày 09/12/2015 cho anh Hỏa Văn H trực tiếp nuôi dưỡng,

hiện cháu H và cháu A đang ở cùng anh H. Chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 250.000 đồng/ 01 tháng, hai cháu là 500.000 đồng/ 01 tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 (dương lịch) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng mỗi tháng nộp một lần vào ngày 30 hàng tháng. Chị B được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, chị B có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Hòa Văn H và chị Nguyễn Thị B cùng xác định: Không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ.

Về án phí:: Anh Hòa Văn H phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Hiếu đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0000025 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình. Hoàn trả cho anh Hòa Văn H số tiền chênh lệch còn lại là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Nguyễn Thị B phải nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang,
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Thượng L1 (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lý Đức Quỳnh